

Số: **1550** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **31** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng
vùng huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của UBND huyện Mộ Đức tại Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 10/10/2022 và các Công văn: Số 1680/UBND-KT ngày 30/11/2022, 1808/UBND-XD ngày 16/12/2022; đề xuất của Hội đồng thẩm định các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Báo cáo số 211/BCTĐ-HĐTD ngày 21/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới quản lý hành chính của huyện Mộ Đức, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 214,08 km², gồm có 01 thị trấn Mộ Đức và 12 xã (Đức Nhuận, Đức Lợi, Đức Thắng, Đức Chánh, Đức Hiệp, Đức Minh, Đức Thạnh, Đức Tân, Đức Hòa, Đức Phú, Đức Phong, Đức Lâm). Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp biển Đông;
- Phía Tây: Giáp huyện Nghĩa Hành;
- Phía Nam: Giáp thị xã Đức Phổ;
- Phía Bắc: Giáp huyện Tư Nghĩa.

3. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện phải đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Định hướng quy hoạch phát triển mạng lưới các đô thị, khu - cụm công nghiệp, khu du lịch - dịch vụ, khu dân cư phù hợp với sự phân bố các vùng kinh tế, phù hợp với khả năng phát triển; đảm bảo kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đồng thời gắn liền với bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa.

- Tập trung đầu tư phát triển các đô thị, khu - cụm công nghiệp, khu du lịch - dịch vụ nhằm tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trong toàn huyện.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn toàn huyện, tập trung chủ yếu các vấn đề:

+ Làm công cụ điều phối, kiểm soát quá trình phát triển đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện.

+ Làm cơ sở cho công tác lập, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông

thôn, xây dựng kế hoạch, triển khai đầu tư xây dựng trong khu vực đô thị, nông thôn và khu chức năng khác theo quy hoạch.

+ Góp phần hoàn thiện Tiêu chí số 1 (Quy hoạch) theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở để huyện Mộ Đức đạt huyện nông thôn mới.

4. Các dự báo phát triển

a) Dự báo phát triển dân số

Dân số toàn huyện Mộ Đức đến ngày 31/12/2020 có 112.659 người. Dự báo quy mô dân số toàn huyện đến năm 2030 khoảng 140.000 người, tốc độ tăng dân số trung bình 2,20%/năm; đến năm 2040 khoảng 175.000 người, tốc độ tăng dân số trung bình 2,26%/năm.

b) Dự báo lao động

- Đến năm 2030: Số người trong độ tuổi lao động toàn huyện dự báo khoảng 91.200 lao động, trong đó lao động phi nông nghiệp khoảng 52.260 người (chiếm 57,30% tổng lao động toàn huyện).

- Đến năm 2040: Số người trong độ tuổi lao động toàn huyện dự báo khoảng 114.000 lao động, trong đó lao động phi nông nghiệp khoảng 76.710 người (chiếm 67,29% tổng lao động toàn huyện).

c) Dự báo đô thị hóa và dân số đô thị

- Đến năm 2030: Dân số đô thị trên địa bàn toàn huyện dự báo khoảng 35.500 người; trong đó thị trấn Mộ Đức khoảng 8.500 người, đô thị Nam Sông Vệ khoảng 13.500 người, đô thị Thạch Trụ khoảng 13.500 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 25,35%.

- Đến năm 2040: Dân số đô thị trên địa bàn toàn huyện dự báo khoảng 75.800 người; trong đó thị trấn Mộ Đức khoảng 11.500 người, đô thị Nam Sông Vệ-Quán Lát khoảng 16.800 người, đô thị Thạch Trụ khoảng 16.000 người, đô thị Đức Minh khoảng 20.500; đô thị Đức Lợi khoảng 11.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 43,31%.

d) Dự báo đất xây dựng đô thị

- Đến năm 2030: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị toàn huyện dự báo khoảng 760 ha (chỉ tiêu trung bình khoảng 214 m²/người). Trong đó: thị trấn Mộ Đức khoảng 180 ha; đô thị Nam Sông Vệ khoảng 290 ha; đô thị Thạch Trụ khoảng 290 ha.

- Đến năm 2040: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị toàn huyện dự báo khoảng 1.530 ha (chỉ tiêu bình quân khoảng 200 m²/người). Trong đó: thị trấn Mộ Đức khoảng 230 ha; đô thị Nam Sông Vệ-Quán Lát khoảng 340 ha; đô thị Thạch Trụ khoảng 320 ha; đô thị Đức Minh khoảng 410 ha; đô thị Đức Lợi khoảng 230 ha.

5. Tính chất vùng huyện Mộ Đức

- Là vùng phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch biển.

- Là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng sạch, hữu cơ, có ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Quảng Ngãi, gắn kết phát triển nông nghiệp với du lịch (du lịch nông nghiệp, du lịch nghỉ dưỡng ven biển, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch chăm sóc sức khỏe...).

- Là vùng phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

6. Phân vùng chức năng và định hướng phát triển không gian vùng

a) Mô hình phát triển vùng huyện

- Mô hình phát triển kinh tế chính của vùng huyện Mộ Đức là vùng phát triển kinh tế tổng hợp: Công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ - du lịch và nông - lâm - thủy sản. Phát triển kinh tế gắn với các tiềm năng chính trong vùng, đảm bảo giữ vững an ninh, quốc phòng.

- Hành lang phát triển kinh tế chủ đạo của huyện hình thành theo các trục giao thông huyết mạch: Trục Quốc lộ 1; trục Quốc lộ 24; trục cao tốc Bắc-Nam; trục đường Dung Quất-Sa Huỳnh; trục đường tỉnh ĐT.624C, ĐT.627B, ĐT.624B.

- Các tiểu vùng phát triển kinh tế của huyện bao gồm:

+ Tiểu vùng 1 (tiểu vùng kinh tế phía Tây): Gồm phần diện tích phía Tây đường sắt Bắc-Nam. Hướng phát triển chính của tiểu vùng: phát triển nông nghiệp tập trung theo hướng sạch, hữu cơ, có ứng dụng công nghệ cao, phát triển vùng trồng dược liệu, phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững (trồng cây gỗ lớn, cây bản địa), phát triển du lịch nông nghiệp và du lịch sinh thái.

+ Tiểu vùng 2 (tiểu vùng kinh tế Trung tâm): Bao gồm phần diện tích phía Đông tuyến đường sắt Bắc-Nam và phía Tây tuyến đường tỉnh ĐT.627B. Hướng phát triển chính của tiểu vùng: Phát triển đô thị (thị trấn Mộ Đức, đô thị Nam Sông Vệ, đô thị Thạch Trụ); phát triển trung tâm thương mại dịch vụ tại trung tâm các đô thị, phát triển du lịch (du lịch sinh thái, chăm sóc sức khỏe, tìm hiểu làng nghề truyền thống, tìm hiểu lịch sử); phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với các cụm công nghiệp (Quán Lát, thị trấn Mộ Đức, Thạch Trụ, An Sơn), các làng nghề truyền thống; phát triển vùng sản xuất lúa theo hướng được chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, chứng nhận hữu cơ.

+ Tiểu vùng 3 (tiểu vùng kinh tế phía Đông): Bao gồm phần phía Đông trục đường tỉnh ĐT.627B. Hướng phát triển chính của tiểu vùng: Phát triển đô thị tại xã Đức Lợi, xã Đức Minh; phát triển thương mại, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven biển; phát triển vùng trồng rau sạch, vùng nuôi thủy sản kết hợp du lịch nông nghiệp.

b) Phân bố các khu-cụm công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ

b1) Phân bố khu-cụm công nghiệp

- Cụm công nghiệp Quán Lát: Quy mô 33,4 ha.

- Cụm công nghiệp Thạch Trụ: Quy mô 20 ha.

- Cụm công nghiệp thị trấn Mộ Đức: Đến năm 2030: Quy mô 30,6 ha; Giai đoạn 2031-2040: Quy mô 50 ha.

- Cụm công nghiệp An Sơn: Đến năm 2030: Quy mô 50,4 ha. Giai đoạn 2031-2040: Quy mô 75 ha.

b2) Phân bố các cụm, điểm du lịch, thương mại dịch vụ:

- Du lịch

+ Sản phẩm du lịch: Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch gắn với tài nguyên du lịch địa phương: Loại hình dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp tại khu vực biển; du lịch sinh thái trải nghiệm sông nước; du lịch nông nghiệp gắn với các dự án nông nghiệp hữu cơ; du lịch tham quan di tích, thắng cảnh, tìm hiểu lịch sử và trải nghiệm văn hóa truyền thống địa; du lịch sinh thái gắn với cảnh quan tự nhiên rừng, suối, hồ; du lịch chăm sóc sức khỏe gắn với nguồn nước khoáng nóng Thạch Trụ.

+ Tuyến du lịch: gồm các tuyến tỉnh: Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Mộ Đức - Đức Phổ; tuyến thành phố Quảng Ngãi Mộ Đức - Đức Phổ - Ba Tơ, và các tuyến du lịch nội vùng khác.

- Thương mại dịch vụ: Định hướng đến 2030, ưu tiên xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại thị trấn Mộ Đức. Giai đoạn 2031-2040 xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị Nam Sông Vệ, Thạch Trụ, Đức Minh, Đức Lợi; quy hoạch bố trí tuyến phố đêm tại thị trấn Mộ Đức, đô thị Đức Lợi; mạng lưới chợ xã: Giai đoạn đến 2025 quy hoạch chuyển vị trí chợ Thị Phố sang vị trí mới, cải tạo, nâng cấp các chợ xã hiện trạng, không đầu tư phát triển thêm số lượng chợ mới. Giai đoạn 2025-2030 định hướng đến năm 2040, khi các khu đô thị phát triển cần định hướng phát triển chợ trên địa bàn huyện đảm bảo quy mô và bán kính phục vụ theo quy chuẩn hiện hành.

c) Tổ chức mạng lưới đô thị

- Đến năm 2030, huyện sẽ có 03 đô thị: Thị trấn Mộ Đức là đô thị loại V; đô thị Thạch Trụ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; đô thị Nam Sông Vệ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Đến năm 2040, huyện sẽ đạt một số tiêu chí đô thị loại IV (khu vực thị trấn Mộ Đức mở rộng cùng các xã: Đức Minh, Đức Lợi, Đức Tân, Đức Hòa, đô thị Thạch Trụ, đô thị Nam Sông Vệ-Quán Lát).

Hệ thống đô thị trên địa bàn huyện Mộ Đức

TT	Tên đô thị	Tính chất, chức năng cơ sở tạo thị	Dự báo					
			2030			2040		
			Dân số đô thị (người)	Loại đô thị	Đất XD đô thị (ha)	Dân số đô thị (người)	Loại đô thị	Đất XD đô thị (ha)
1	Thị trấn Mộ Đức	Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện	8.500	V	180	11.500	IV*	230
2	Đô thị Nam Sông Vệ - Quán Lát	Là trung tâm, kinh tế phía Bắc của huyện	13.500	V	290	16.800	V	340
3	Đô thị Thạch Trụ	Là trung tâm kinh tế phía Nam của huyện	13.500	V	290	16.000	V	320
4	Đô thị Đức Minh	Là khu đô thị dịch vụ, du lịch ven biển, trung tâm kinh tế phía Đông của huyện		V*		20.500	V	410
5	Đô thị Đức Lợi	Là khu đô thị dịch vụ ven biển, trung tâm kinh tế phía Đông Bắc của huyện		V*		11.000	V	230
	Toàn huyện		35.500		760	75.800		1.530

* Đạt một số tiêu chí cơ bản của loại đô thị

d) Phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn

- Dân số nông thôn dự báo: Đến năm 2030 khoảng 104.500 người, chiếm tỷ lệ khoảng 74,65% tổng dân số; năm 2040 khoảng 99.200 người, chiếm 56,69% tổng dân số.

- Định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở các điểm dân cư hiện hữu, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác.

đ) Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

đ1) Hệ thống giáo dục, đào tạo

- Đối với bậc học mầm non: Đến năm 2025 có 100% trường đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2030 duy trì số trường đạt chuẩn quốc gia qua cấp độ 1, phần đầu đạt 20% số trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2; đến năm 2040 số trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2 đạt từ 40-50%;

- Đối với bậc tiểu học: Đến năm 2025 duy trì 100% trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1; đến năm 2030 có 20% số trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2; đến năm 2040 phần đầu có 40% số trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2.

- Đối với bậc học trung học cơ sở: Đến năm 2025 duy trì 100% trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1. Đến năm 2030 có 20% số trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2; đến năm 2040, có khoảng 40% số trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2.

- Bậc trung học phổ thông: Giai đoạn đến năm 2030 duy trì ổn định 4 trường trên địa bàn huyện. Giai đoạn 2031-2040, khi các đô thị Đức Lợi, Đức Minh hình thành, định hướng phát triển xây dựng bổ sung trường trung học phổ thông (vị trí, quy mô và vị trí được cụ thể hóa trong các quy hoạch đô thị) để đáp ứng nhu cầu.

đ2) Hệ thống văn hóa, TDTT

- Giai đoạn đến năm 2025: Xây mới trung tâm văn hóa thể dục thể thao đa năng và sân vận động huyện (vị trí tại thị trấn Mộ Đức). Phần đầu các xã, thị trấn đều có sân thể thao.

- Giai đoạn 2026-2040 duy trì các thiết chế văn hóa đã đạt được.

c) Hệ thống y tế:

- Giai đoạn đến năm 2030: Phần đầu đạt tỷ lệ 8 bác sỹ/10.000 dân, duy trì 100% tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Giai đoạn 2031-2040: Duy trì các tiêu chí Quốc gia về y tế đã đạt được. Phần đầu đến năm 2040 đạt tỷ lệ 10 bác sỹ/10.000 dân. Bố trí quỹ đất trung tâm y tế tại các đô thị Đức Lợi, Đức Minh (quy mô và vị trí được cụ thể hóa trong các quy hoạch đô thị).

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

- Trục ngang N3 (Quốc lộ 24): Quy hoạch tuyến đạt cấp III, quy mô 2-4 làn xe, đoạn qua đô thị Thạch Trụ quy mô cắt ngang $B_n=27m$, chiều dài tuyến qua huyện Mộ Đức khoảng 3,1km.

- Trục dọc D2 (Quốc lộ 1): Quy hoạch tuyến đạt cấp III, quy mô 4 làn xe, chiều dài tuyến qua huyện Mộ Đức khoảng 19km. Tuyến tránh Quốc lộ 1 qua thị trấn Mộ Đức có chiều dài 8,23km.

- Trục dọc D3 (Trục cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn):

+ Chiều dài tuyến qua huyện Mộ Đức khoảng 10,7km. Quy mô tuyến có 4 làn xe. Giai đoạn sau 2040 quy mô tuyến có 6 làn xe.

+ Khu vực lân cận huyện Mộ Đức có 02 nút giao liên thông: Nút giao ĐT.624B tại xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành và nút giao Quốc lộ 24 tại xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ.

- Đường tỉnh:

+ Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh (ĐT.627): Qua khu vực huyện Mộ Đức có chiều dài tuyến khoảng 29,54km.

+ ĐT.624B (Biển Hàm An-Đá Chát): Tuyến có chiều dài 35,1km, nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp III-IV.

+ ĐT.624C (Đạm Thủy-Hành Tín): Tuyến có chiều dài khoảng 20,1km. Nâng cấp và kéo dài tuyến về phía Tây, đi qua cầu Hành Tín đến giáp đường ĐT.625 (Hành Thiện-Ba Chùa) và kết thúc tại xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành. Tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III-IV.

+ ĐT.627B (Bò Đề-Mỹ Á): Tuyến có chiều dài 39,7km. Nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III-IV.

+ ĐT.621C (Bình Hiệp-Đức Lợi): Tuyến dài 17,4km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp III-IV.

+ ĐT.621D (QL.24C-Phổ An): Chiều dài 66,2km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp II-III.

+ ĐT.624D (Nghĩa Thương-Đức Chánh): Chiều dài 8,2km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp III.

+ ĐT.628 (Quốc lộ 1-Sơn Kỳ) kéo dài: Chiều dài khoảng 63,6km. Nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV. Định hướng kéo dài tuyến liên kết vùng Tư nghĩa-Mộ Đức.

- Đường huyện: Bổ sung mới các tuyến đường huyện, nâng cấp, kéo dài thêm một số tuyến liên xã, nhựa hóa và xây dựng các tuyến đường huyện hiện hữu lên quy mô đường cấp IV, V đồng bằng; đối với các tuyến đường huyện có hướng tuyến đi qua đô thị, quy mô đường theo quy hoạch đô thị được duyệt.

- Hệ thống giao thông nông thôn: Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn. Quy hoạch đến năm 2030 có 90-100% đường xã, liên xã đạt cấp kỹ thuật.

- Hệ thống đường đô thị: Tuân theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy hoạch đấu nối các tuyến đường huyện vào đường tỉnh: Tuân theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống giao thông công cộng:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Tiếp tục sử dụng xe buýt trong vận tải hành khách liên kết với khu du lịch, khu công nghiệp theo hiện trạng.

+ Giai đoạn dài hạn: Xây dựng hệ thống xe buýt nhanh (BRT) được xem như là giải pháp giao thông công cộng hiệu quả.

- Các công trình phục vụ giao thông:

+ Bố trí 01 bến xe tại khu vực đô thị Thạch Trụ, phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa toàn huyện.

+ Đối với các đô thị cần xây dựng các bãi đỗ xe với quy mô và khoảng cách đến các trung tâm hành chính, dịch vụ hợp lý.

- Hệ thống giao thông đường thủy:

+ Tuyến sông Vệ: Cải tạo đưa vào khai thác đoạn tuyến Cửa Lở (Cửa Bé) đến Đức Thắng đưa vào luồng tàu cấp IV, đường thủy nội địa để khai thác phát triển du lịch. Các đoạn còn lại theo quy hoạch đường thủy nội địa tỉnh Quảng Ngãi

+ Tuyến sông Thoa: Cải tạo đưa vào khai thác đoạn tuyến chạy từ Đức Minh đến hợp lưu với sông Trà Câu, đưa vào quy hoạch luồng tàu cấp VI phục vụ du lịch, trải nghiệm.

+ Xây dựng bến thuyền Cửa Lở thuộc xã Đức Lợi kết hợp cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

b1) San nền khu vực đô thị: Nền đất xây dựng đô thị và các khu dân cư phải đảm bảo không bị ngập úng, có tính toán đến hiện tượng biến đổi khí hậu. Tôn trọng địa hình tự nhiên, tránh đào đắp lớn; chọn cao độ nền xây dựng các đô thị như sau:

- Thị trấn Mộ Đức: Cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq +3,50m$.

- Đô thị Nam Sông Vệ: Cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq +4,50m$.

- Đô thị Thạch Trụ: Cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq +3,50m$.

- Đô thị Đức Lợi: Cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq +2,50m$.

- Đô thị Đức Minh: Cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq +3,00m$.

b2) Giải pháp quy hoạch thoát nước đối với đô thị

- Thị trấn Mộ Đức: Hướng thoát nước chính về sông Thoa.

- Đô thị Nam Sông Vệ: Hướng thoát nước chính về sông Vệ.

- Đô thị Thạch Trụ: Hướng thoát nước chính về sông Thoa.

- Đô thị Đức Lợi: Hướng thoát nước chính về sông Vệ.

- Đô thị Đức Minh: Hướng thoát nước chính về sông Thoa.

b3) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn

- Đối với các điểm dân cư nông thôn tại các khu vực có địa hình thấp thường xuyên bị ngập lũ cần phải tôn nền cục bộ cho các công trình nhà cửa để vượt lũ.

- Đối với các khu vực thường xuyên ngập sâu, có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét,... thì phải có giải pháp kiên cố các công trình bằng kê chắn, xây dựng các nhà tránh lũ.

- Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.

b4) Định hướng quy hoạch thủy lợi

- Đầu tư công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu để cấp nước cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dân sinh, công trình và các ngành kinh tế khác.

- Đối với các khu vực đồng ruộng chưa có hệ thống nước tưới, đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương mới dẫn nước từ kênh Thạch Nham và đầu tư các trạm bơm để phục vụ tưới tiêu. Đầu tư xây dựng mới trạm bơm và tuyến kênh từ kênh Thạch Nham về trang trại bò sữa Vinamilk, kết hợp lấy nước từ hồ Lỗ Thùng và các hồ khác trên địa bàn để đảm bảo việc tưới tiêu vào mùa khô và khi kênh Thạch Nham cắt nước. Bổ sung nguồn từ hồ Thượng sông Vệ để cấp nước cho toàn huyện.

- Đầu tư nâng cấp và xây mới các trạm bơm theo định hướng trong đồ án điều chỉnh quy hoạch thủy lợi tỉnh đã phê duyệt. Bê tông hóa các tuyến kênh nhánh, kênh nội đồng. Bổ sung thêm các tuyến kênh nhánh đến các khu vực chưa có hệ thống mương thủy lợi.

b5) Các giải pháp phòng chống thiên tai, phòng chống lũ lụt

- Thực hiện theo các giải pháp công trình và phi công trình theo quy hoạch chỉnh trị sông Vệ được phê duyệt. Ngoài ra bổ sung công tác cải tạo, nạo vét, mở rộng các đoạn bị thắt chặt dòng chảy đảm bảo thoát nước hiệu quả, tránh mực nước dâng lên trong khu vực khi không thể thoát kịp.

- Nâng cao công tác trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, phủ xanh đất trống đồi trọc, góp phần bảo vệ môi trường và thiên nhiên.

- Xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo lũ. Xây dựng bổ sung các trạm quan trắc thủy văn và mực nước, lượng mưa trên các sông để sớm có số liệu tổng hợp, tính toán và đưa ra cảnh báo sớm cho người dân.

- Xây dựng kế hoạch phòng tránh và quy hoạch sử dụng đất hợp lý các vùng ven sông, nhất là cho các khu dân cư và các cơ sở kinh tế nằm trong vùng có nguy cơ ảnh hưởng ngập lụt khi có mưa, bão, lũ. Bố trí khu dân cư

đảm bảo yêu cầu sống chung với lũ có kiểm soát. Vùng ngập lũ hàng năm cần được xây dựng nhà cửa vững chắc để giảm nhẹ thiệt hại.

- Đối với hệ thống đê kè của sông, kênh, rạch cần phải tu bổ thường xuyên. Nâng cấp và xây dựng hệ thống đê biển, đập ngăn mặn...

c) Cấp nước

- Nguồn nước: Khai thác nước mặt sông Vệ, kênh Nam sông Vệ, hồ Núi Ngang, hồ Thượng sông Vệ, các hồ đập khác trong khu vực và nguồn nước ngầm tại chỗ.

- Cấp nước đô thị, công nghiệp:

+ Nhà máy nước vùng huyện: Xây dựng mới nhà máy cấp nước Nam Sông Vệ, công suất nhà máy đến năm 2030 là 15.000m³/ng.đ. Đến 2040 nâng cấp công suất nhà máy lên 20.000m³/ng.đ. Phạm vi phục vụ đô thị Nam Sông Vệ, các đô thị phía Đông Bắc, các cụm công nghiệp, bổ sung nguồn cho các nhà máy nước hiện trạng và cấp nước nông thôn.

+ Thị trấn Mộ Đức: Nâng cấp hệ thống cấp nước hiện trạng công suất nhà máy đến năm 2030 là 2.000m³/ng.đ. Đến 2040 nâng cấp công suất nhà máy lên 3.000m³/ng.đ. Phạm vi cung cấp cho thị trấn và vùng phụ cận.

+ Đô thị Thạch Trụ: Nâng cấp hệ thống cấp nước hiện trạng công suất nhà máy đến năm 2030 là 2.000m³/ng.đ. Đến 2040 nâng cấp công suất lên 3.000m³/ng.đ. Phạm vi cung cấp cho đô thị và vùng phụ cận.

- Cấp nước nông thôn: Xây dựng công trình cấp nước nhỏ cho từng cụm nhà ở nông thôn, tiến tới đạt 100% dân số nông thôn có nước sạch.

d) Cấp điện

- Nguồn điện: Sử dụng điện lưới quốc gia qua các trạm biến áp 220kV Quảng Ngãi (công suất 2x125MVA), trạm 110kV Mộ Đức (công suất 2x63MVA) và trạm 110kV Tư Nghĩa (công suất 2x63MVA). Duy trì và phát triển các nguồn điện tái tạo (điện mặt trời, điện gió..).

- Lưới 220kV: Tuyến Thượng KonTum-Quảng Ngãi, tuyến Đốc Sỏi-Quảng Ngãi, tuyến Quảng Ngãi-Bình Định.

- Lưới 110kV: Tuyến 110kV từ trạm 220kV Quảng Ngãi đến trạm Nghĩa Hà, tuyến 110kV từ trạm 220kV Quảng Ngãi đến trạm Phở Minh. Tuyến 110kV trạm Quảng Ngãi 220kV-trạm Ba Tư, tuyến 110kV trạm Quảng Ngãi 220kV-trạm Nghĩa Hành.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

đ1) Thoát nước thải

- Thoát nước thải sinh hoạt các đô thị: Xây dựng hệ thống nước thải riêng (nước mưa riêng) có trạm xử lý cho thị trấn, các đô thị và các khu vực xây dựng mới, cụm công nghiệp.

- Nước thải của Bệnh viện, Trung tâm Y tế được thu gom và xử lý riêng đạt quy chuẩn trước khi xả ra ra nguồn tiếp nhận.

- Thoát nước thải dân cư nông thôn: Các trung tâm xã, các cụm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải). Nước thải được xử lý cục bộ trong các bể tự hoại trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung. Từng bước đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các khu vực dân cư nông thôn.

đ2) Chất thải rắn (CTR)

CTR trên địa bàn huyện Mộ Đức định hướng thu gom đưa về Khu liên hợp xử lý CTR Nghĩa Kỳ (quy mô 137ha) để xử lý.

đ3) Nghĩa trang

- Giai đoạn ngắn hạn tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện hữu đảm bảo quy mô, khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường. Từng bước khoanh vùng, đóng cửa các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường.

- Quy hoạch Nghĩa trang nhân dân cấp huyện vị trí gần mỏ đá thuộc thôn Tú Sơn, xã Đức Lĩnh, với tổng quy mô diện tích khoảng 7,1 ha, khu vực nghĩa trang được bố trí nằm trên tuyến đường liên xã và cách xa khu dân cư. Từng bước chuyển dịch sang hình thức hỏa táng đảm bảo môi trường.

e) Hệ thống thông tin liên lạc

- Thực hiện cáp quang hóa toàn huyện và ngầm hóa mạng ngoại vi, đảm bảo mỗi xã có 5-7 trạm thu phát sóng, cung cấp dịch vụ băng thông rộng và mạng truyền hình cáp đến các xã, thị trấn.

- Hiện đại hóa, đa dạng hóa các loại hình phục vụ, tăng cường chất lượng vận chuyển thư, báo trên các tuyến đường thư cấp 2, 3. 100% bưu cục có tất cả các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, dịch vụ chuyển phát nhanh EMS. Đưa vào khai thác dịch vụ chuyển phát trong ngày, ứng dụng công nghệ hiện đại triển khai tự động hóa trong khai thác, tin học hóa các công đoạn bưu chính.

- Phát triển kinh doanh các dịch vụ mới, dịch vụ lai ghép, dịch vụ tài chính trên mạng bưu chính điện tử. Tăng tỷ trọng doanh thu từ các dịch vụ mới.

g) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác

Định hướng quy hoạch các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác đồng bộ với định hướng phát triển không gian vùng, đảm bảo tốc độ phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị và công nghiệp của vùng huyện theo hướng bền vững.

h) Đánh giá môi trường chiến lược

h1) Giải pháp về kỹ thuật

Quy hoạch, xây dựng và quản lý có hiệu quả hệ thống thu gom và xử lý

nước thải, chất thải rắn; xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công viên cây xanh tại đô thị, khu-cụm công nghiệp, các khu dân cư lớn, hướng đến đảm bảo chỉ tiêu cây xanh theo quy định; phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng vật nuôi, công nghệ tiên tiến về bảo quản, chế biến nông, lâm sản; sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất, chống xói mòn, rửa trôi đất, hủy hoại đất; đẩy nhanh tiến độ phủ kín đất đồi núi trọc.

h2) Các giải pháp về quản lý, giám sát môi trường

Xây dựng các chính sách sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nâng cao chất lượng môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững; kiểm soát lượng chất thải từ hoạt động công nghiệp, hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; giám sát, bảo vệ chất lượng các nguồn tài nguyên nước, hệ sinh thái rừng; có kế hoạch phòng ngừa và giảm thiểu tác hại do thiên tai và sự cố môi trường.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư

Phát triển hệ thống đô thị, cụm công nghiệp, khu du lịch - dịch vụ. Tập trung ưu tiên vào các dự án đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực phát triển, thuộc các lĩnh vực: hạ tầng kỹ thuật khung (giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị và khu dân cư), các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu (hành chính, văn hóa - thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo...) và bảo vệ môi trường. Lựa chọn các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đầu hợp lý, đặc biệt là các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Mộ Đức đã đề ra, tập trung vào các lĩnh vực chính:

- Phát triển đô thị;
- Phát triển cụm công nghiệp;
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp-dịch vụ-nông nghiệp;
- Quy hoạch, xây dựng phát triển nông thôn mới.

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mộ Đức, gồm: 02 Chương, 11 Điều.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, theo dõi việc triển khai thực hiện theo quy hoạch, theo thẩm quyền.

2. UBND huyện Mộ Đức chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết và thực hiện;

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các dự án đang triển khai trên địa bàn huyện, để chỉnh sửa cho phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mộ Đức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 1271).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh